

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẮNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **82/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-10-2021.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Bá Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Tạ Văn Đài.

2. Ông Đặng Quang Hoạch.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 21/2021/TB-TA ngày 20 tháng 7 năm 2021 và Thông báo thời gian địa điểm mở lại phiên tòa số: 22/TB-TA ngày 11/10/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Dũng D, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 248 ấp PS, xã BS, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mai Ph, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 248 ấp PS, xã BS, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(*Ông D, bà Ph vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Dũng D trình bày:**

Ông D và bà Nguyễn Thị Mai Ph tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2018 tại UBND phường LB, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc nhưng sau đó thường hay phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do lối sống tính cách không phù hợp. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông D xin ly hôn với bà Ph.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị Mai Ph vắng mặt nên không có trình bày:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Trần Dũng D. Cho ông D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mai Ph.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc ông D phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, “Tranh chấp ly hôn” thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

1.2. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông D có đơn xin vắng mặt, bà Ph vắng mặt lần 02 không có lý do căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Dũng D và bà Nguyễn Thị Mai Ph tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2018 và được Ủy ban nhân dân phường LB, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Ông D xác định vợ chồng có mâu thuẫn do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp, không cùng quan điểm sống. Ông D kiên quyết xin ly hôn với bà Ph. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành triệu tập bà Ph đến Tòa án để làm việc, hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xét xử nhiều lần nhưng bà Ph vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân trên. Xét thấy, vợ chồng ông D, bà Ph không còn không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình nên tình trạng hôn nhân giữa ông D, bà Ph đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, ông D xin ly hôn với bà Ph là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- [3]. Về con chung: Không có.  
[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.  
[5]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.  
[6]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.  
[7]. Về án phí: Ông D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Ông Trần Dũng D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mai Ph.

2. Về con chung: Không có.

3. Về án phí: Ông Trần Dũng D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu số 0006342 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Ông D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường LB, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 352/2018 ngày 05/10/2018);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN BÁ ĐỨC**